

TRUYỆN
THẦY LAZARO
PHIÊN

của

P.J.-B. NGUYỄN TRỌNG QUẢN

LÀM RA

SAIGON
J. LINAGE, LIBRAIRE-ÉDITEUR
RUE CATINAT

1887

Tout droits réservés

Đôi lời giới thiệu

Truyện ngắn “Truyện thầy Lazaro Phiền” của Nguyễn Trọng Quản¹ đã được giới thiệu, in lại nguyên bản năm 1987 bằng kỹ thuật in ronéo ở Sài Gòn nhân kỷ niệm 100 năm xuất bản lần đầu tiên (1887). Sau đó nhiều báo khác ở Sài Gòn in lại. Tất cả tạo nên một phản ứng thuận lợi, đưa tới việc nhìn nhận truyện ngắn này có thể là truyện ngắn viết theo lối Tây phương sớm hơn cả, và chắc chắn sớm hơn truyện “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách (1924). Sự nhìn nhận bắt đầu từ miền Nam, ra miền Bắc –qua sự xác nhận chính thức của nhà xuất bản Giáo Dục Hà Nội (1995) trong *Từ Điển Văn Học Việt Nam* của Lại Nguyên Ân, Bùi Văn Trọng Cường (trang 313-314). Sự kiện này có lẽ đã góp phần tạo ra phong trào tái bản mảng văn học mà tôi gọi là bi “bỏ quên, bỏ qua” này ở Miền Nam trước đây. Cũng từ đó mà dẫn đến việc thành lập một bộ phận thuộc Viện Khoa Học Xã Hội để đánh giá lại về phương diện lịch sử, văn hoá toàn bộ Nhà Nguyễn; đến nay đã xuất bản được một vài công trình bước đầu. Một giáo sư người Nga dạy văn học Việt Nam, đến Sài Gòn xin tôi một bản và viết giới thiệu trong một tạp chí văn học Liên Xô cũ.

Truyện ngắn “Truyện thầy Lazaro Phiền” gợi ý cho tôi đi tìm hiểu bối cảnh lịch sử của nó. Tôi đã tìm được đầy đủ tài liệu nguyên bản, kể cả di tích, ngôi mộ ghi lại biến cố đau thương đã xảy ra thật, nhưng cũng đã bị “bỏ quên, bỏ qua” trong các tài liệu lịch sử cả về phía Pháp và phía Việt Nam².

Tuy nhiên sự kiện cũng tạo ra nhiều điều đáng tiếc buộc tôi phải lên tiếng. Ở trong nước, đáng kể hơn cả là việc làm của ông Trần Thanh Địch –một người thuộc thế hệ “các nhà văn tiền chiến”, anh em với ông Trần Thanh Mại. Ở ngoài nước, nhà văn Thế Uyên giới thiệu “Thầy Lazaro Phiền” của Nguyễn Trọng Quản trong tạp chí Văn Lang ở Hoa Kỳ, số 2, tháng 2 năm 1991, nhưng không nói rõ xuất xứ những tài liệu anh đem ra giới thiệu.

Bài này là bản chụp photocopy bản đánh máy ở Sài Gòn, vì tôi không có điều kiện để làm “hiện đại” hơn.

Montréal, tháng 1.1999

Nguyễn Văn Trung

¹ Truyện ngắn “Truyện thầy Lazaro Phiền” còn một nguyên bản ở thư viện Vương Hồng Sển. Ông đã cho tôi mượn chụp nguyên lại và phóng lớn để đọc giả dễ đọc, và cũng để bảo vệ lối viết của thời đó. Nếu đánh máy lại, ngay người gốc miền Nam cũng rất khó giữ đúng lối chấm câu của nguyên tác. Đối với người nghiên cứu tiếng nói chữ viết, đòi hỏi này rất chính đáng. Chẳng hạn, thời đó theo chủ trương của Trương Vĩnh Ký, viết đúng tên ông là Trương Vĩnh Ký, không phải “Vinh”, và “Thầy” Lazaro, không phải “thầy”...

² Bản tường trình của Linh mục Errard, cha sở Bà Rịa, giữ tại thư viện văn khố Toà Giám Mục Saigon. Ông Nguyễn Văn Quý làm việc văn phòng ở đây đã sao chụp cho tôi và tôi đã dịch ra tiếng Việt. Vì sao chụp không rõ nên tôi chỉ in lại vài trang giới thiệu thôi.

THẦY LAZARO PHIÊN

Nguyễn Trọng Quân

Ai xuống Bà-ri-a, mà có đi ngang qua đất thánh ở trong Cát tại làng Phước-lễ, thì tôi xin bước vô đất thánh ấy, kiếm cái mồ có cây thánh giá bằng ván, sơn nửa đen nửa trắng, gắn một bên nhà thờ những kẻ Tử-đạo [1] mà thăm mồ ấy kéo tội nghiệp! Vì đã hai năm nay không ai thăm viếng không ai màng gó tới.

Mồ đó là mồ một thầy đã chịu lương tâm mình cắn rứt đã mười năm, bây giờ mới đặng nằm yên nơi ấy.

Tôi xin phép thuật lại truyện tôi đã gặp thầy ấy và làm sao thầy ấy đã tỏ chuyện mình ra cùng tôi, như sau này:

1

Đồng hồ nhà thờ nhà nước vừa đánh tám giờ tối, đồ tôi đã đem xuống tàu mà đi Bà-ri-a rồi.

Chiếc Jean-Dupuis định mười giờ mới chạy, nên còn hai giờ chẳng biết làm đí gì? Muốn lên bờ đi dạo một hai vòng xem phố xá thành Saigon chơi, mà trong mình có ý mệt cho nên không lên; vậy mới tính lên sàn tàu coi có cái ghế nào không, mà nằm nghỉ cùng xem trăng chơi, vì ngày ấy là nhằm ngày rằm tháng chạp annam là 12 janvier 1884.

Lên đến sàn thấy trăng thanh gió mát thì tôi lại đứng nơi be tàu mà hứng gió.

Đứng đó lòng buồn một ít vì phải xa cách cửa nhà vợ con hơn tám bữa, cho nên đau mà trên bờ đèn sáng như ngày, kẻ qua người lại xe ngựa rầm rầm, nhà hàng đầy đầy những kẻ vui chơi, tôi cũng chẳng đem trí mà xem các sự ấy, cứ một xem phía sông bên Thủ-thiên mà thôi; vì phía đó chẳng chói sự sang trọng vui chơi, chẳng tỏ bày sự phàm xác thịt; nơi ấy là nơi nghèo khổ làm ăn ban ngày; thông thả mà nghỉ ngơi ban đêm, nên còn một hai chỗ còn đèn leo lét mà chỉ vài nhà chưa ngủ mà thôi.

Còn dưới sông mặt trăng giọi xuống làm cho nước giọng ra như tấm lụa vàng có thả kim sa.

Xem các sự ấy thì lòng lại thêm buồn, nên tôi muốn kiếm sự giải phiền nơi khác; song vừa giay mặt lại thì tôi thấy một thầy tu đứng gần bên tôi và ngó xuống nước một cách rất buồn bực lắm.

Muốn làm quen cho có bạn vì dưới tàu lạ mặt hết, tôi mới hỏi thầy ấy rằng: “Thầy đi xuống Bà-ri-a hay là đi Vũng-tàu?” Thầy ấy ngó tôi một chặp rồi mới nói rằng:

“Thầy hỏi tôi đi đâu làm chi?” Khi nghe tiếng thầy nói một cách rất buồn bực thăm não lăm, thì tôi ngó mà coi thầy ấy cho tỏ tường; may đâu lúc đó trăng lại tỏ hơn, nên tôi đứng xem thầy ấy rõ ràng: Thầy chừng ba mươi tám ba mươi chín tuổi, thấp người; giọng nói đao thương! Mặt mũi thì xanh xao mét ửng, mình thì ốm o gầy mòn, lại cái áo dòng người mặc nó bay phất phơ hai bên làm cho thầy ấy giống như hình con bù nhìn, để nơi đồng ruộng mà đuổi chim. Tôi mới trả lời rằng:

“Thưa bởi vì tôi biết cha sở Bà-rịa lắm, nên tôi tưởng nếu thầy đi Bà-rịa thì làm sao nay mai tôi cũng gặp thầy.”

Thầy ấy mới trả lời rằng: “Tôi không đi Bà-rịa, tôi đi dưỡng bệnh tại Vũng-tàu, vì tôi có bệnh tức đã hai năm nay; song tôi tưởng đi cũng vô ích, vì tôi biết tôi không còn sống được hơn nửa tháng nữa đâu.”

Tôi nghe lời ấy, thì tôi nói rằng: “Xin thầy đừng nói làm vậy. Chúa lòng lành vô cùng người thương làm phép lạ hoài, nên thầy đừng có ngã lòng nản chí, ít ngày đây thầy sẽ lành.” Thầy tu ấy lắc đầu mà nói rằng: “Thầy ôi! Phải thầy biết tội tôi thì thầy không muốn cho tôi sống làm chi...” Nói chưa dứt lời thầy lấy tay che mặt mà khóc ròng.

Tôi thấy vậy mới nói cùng thầy rằng: Dầu mà tội thầy nặng thể nào thì Chúa cũng đã tha cho thầy rồi; vì thầy chịu cực cũng đã đủ cho nên xin thầy chớ muốn chết làm chi, vì thầy còn thuộc về những người phải dạy những kẻ chưa biết đạo Chúa; nên thầy phải sống mà đem những kẻ ấy vào đảng ngay.”

Thầy tu nghe tôi nói như vậy mới cất đầu lên chùi nước mắt mà nhìn tôi và hỏi chậm chậm rằng: “Thầy đã có đôi bạn chưa?” Tôi thưa rằng: Đã có được sáu tháng nay thì thầy tu ấy lấy tay mà xô tôi ra cùng nói lớn tiếng rằng:

“Vậy thì thầy phải xa tôi cho kiếp, kéo mà sự dữ xảy đến cho, tôi sẽ làm hại thầy chẳng sai đâu; tôi cũng có đôi bạn như thầy vậy; song phận tôi vô phước! Vô phước lắm! thầy ôi!”

Nói rồi thầy ấy ôm mặt mình mà khóc một lần nữa; song tôi cũng không ngã lòng, tôi nắm tay thầy mà nói rằng: “Tôi thấy thầy buồn bực như vậy, thì tôi chắc thầy đã có chịu sự gì cực khổ lắm hay là đã làm tội gì trọng, sự ấy tôi không muốn biết làm chi; song xin thầy đừng phiền quá mà làm hại mình, nếu mà thầy có tội thì thầy phải sống mà đền tội ấy. Nếu thầy không có tội, mà thầy phải chịu phiền về sự gì, thì cũng xin thầy phải sống mà chịu cho đến cùng hầu ngày sau sẽ được phần thưởng trọng hơn.”

“Ôi thôi! Thầy đừng an ủi tôi làm chi? Tội tôi đã lớn lắm, và sự cực tôi đã chịu thì đã gần quá sức tôi rồi.”

“Thầy ôi! Đã mười năm nay, tôi như thể không còn trái tim nữa, trái tim tôi như thể đã biến hóa ra tro bụi rồi; tôi như thể mất trí khôn vậy. Chớ chi thuở trước tôi đừng có: ôi thôi! Nói đến chừng nào càng đau đớn lòng chừng nấy; bây giờ có một sự chết làm

cho tôi quên người đó mà thôi... Tôi có ý đi tu choặng trồng cây có lẽ đọc kinh cầu nguyện thì sẽ quên người tôi đã đem hết lòng hết trí mà thương; song vô ích, thầy! Sự tôi chịu cực mười năm nay thì đã đủ mà đền tội tôi rồi. Bây giờ tôi đặng chết bằng an.”

Tôi nghe và thấy sự đau đớn như vậy thì tôi làm thình mà để cho thầy ấy khóc. Khi ấy mới nghĩ trong mình rằng: có lẽ nào dưới thế gian này mà có sự gì dữ tợn đến nỗi làm cho người ta chịu cực đến mười năm mà chẳng nguôi! Mà thật khi ấy tôi đang còn có phước, còn đang lúc sung túc, là vì tôi mới có vợ đặng ít tháng, còn chí thiết thương nhau nên tôi không hiểu người ta chịu cực làm sao đặng? Tôi mới tưởng thầy tu ấy đau đớn bệnh hoạn nên lãng trí mà nói vậy chăng? Muốn cho hẳn tôi mới ngó mà xem thầy ấy cho rõ ràng đặng coi có làm sự gì tỏ ra như người điên chăng?

Tôi vừa ngó một chặp, thì tôi thấy thầy ngác mặt lên xem trời mà thở ra rằng: “A Chúa tôi! rất lòng lành vô cùng, xin Chúa cho tôi về gặp mặt bạn tôi cho chóng, dầu mà tội nó thể nào thì tôi cũng quên, bởi vì có lời Chúa đã phán: ”Tao tha lỗi cho bay, như bay tha kẻ có lỗi cùng bay.”

Tôi thấy vậy mới nói rằng: “Điên! Thầy này điên!” Thầy tu ấy nghe đặng mới nói cùng tôi rằng: “Thầy ôi! Thầy còn trẻ chưa biết đủ việc đời: hay là còn đang lúc có phước, thầy chưa từng sự đau đớn, nên thầy nói tôi điên, tôi không điên đâu thầy! Tôi còn trí khôn đủ, tôi xin Chúa đừng cho thầy mắc sự tôi phải chịu, xin Chúa gián ra cho khỏi đầu thầy sự dữ đã xảy đến cho tôi.”

Nói vừa dứt lời, thì đồng hồ vừa đánh mười giờ, nên tàu thổi hơi cùng mở cửa mà chạy, làm cho tôi quên thầy tu mà coi người ta sửa soạn lui tàu.

2

Khi tàu chạy rồi tôi ngó lại thì thầy tu đã xuống phòng mình rồi. Còn lại một mình, tôi mới lại đứng sau lái tàu mà xem lần tàu chạy, cùng nghĩ tới các sự thầy tu đã nói; khi nghĩ làm vậy, thì trong lòng muốn biết truyện thầy ấy. Vậy mới tính hỏi, xin thầy thuật truyện ấy ra, song tôi e thầy có chối chăng? Thì tôi đang kiếm mà lo phương thế cách nào làm cho thầy ấy tỏ sự mình ra. Song nghĩ đi nghĩ lại một hồi, lại bàn rằng: chuyện người mà mình muốn biết làm chi, nên tôi lại cúi xuống mà xem bọt nước vụn sau lái tàu, trào lên như bạc sôi; lại một hai khi có yếng sáng trắng giọt xuống thì bọt ấy hóa ra như bạc vàng lộn lại vậy; mà dầu làm thế nào trí khôn tôi nó cũng bắt tưởng đến truyện thầy tu luôn, nên tôi quyết lòng lần này xuống xin thầy ấy thuật truyện mình ra.

Dầu vậy mặc lòng cũng còn lần lựa chưa muốn xuống mà hỏi. Vì đoán rằng: thầy này đã nói với tôi rằng: “Xin Chúa hãy gián ra cho khỏi đầu thầy sự dữ đã đến cho tôi”. Thì sự dữ ấy là quái gỡ lắm, cho nên có lẽ thầy tu sẽ chẳng nói ra chăng? Tôi lần lựa như vậy,

cho đến khi tàu đi qua khỏi Xóm-chiếu cho tới đồn Cá-trê, tôi mới xuống phòng tôi.

May đâu sự cũng lạ. Ngày đó không có đờn bà quá giang, nên tôi và thầy tu được một cái phòng có hai cái giường.

Đang khi đi xuống thì tôi tưởng thầy ấy thức khuya mệt đã nghỉ rồi cho nên tôi lại gần phòng, sẽ lén khoát màn ra nhẹ nhẹ kéo thầy ấy giục mình thức dậy. Song tôi vừa bước chơn vô phòng thì tôi thấy thầy ấy đang quì gối cúi mặt nơi giường mà đọc kinh cùng thắm thì những lời tôi đã nghe nói trên sân khi nãy.

Tôi thấy vậy muốn lui ra cho thầy đọc kinh kéo lo ra, song tôi vừa bước ra thì thầy kêu tôi mà nói rằng: “Thầy! Thầy lên giường mà ngủ đừng sợ sự gì, tôi đọc kinh rồi có lẽ tôi nghỉ một chốc đây rồi; tôi sẽ thuật truyện tôi lại cho thầy nghe.”

Nghe nói vậy thì trong lòng tôi mằng lăm, nên tôi lên giường mà nằm; khi ấy ông thầy cũng lên giường mình. Cách một hồi thì tôi nghe tiếng thầy ấy thở một cách như thể mệt lăm vậy, tôi cất đầu ngó xuống và hỏi rằng: “Thầy mệt lăm hay sao? Trong mình thầy làm sao?”

Thầy ấy trả lời rằng: “Không hề gì đâu, thầy đừng lo, trong mình tôi như thường.”

Vậy tôi mới nằm xuống; có ý thức đợi thầy ấy nói truyện mình, song mắc mệt nên lần lần tôi ngủ quên không hay. Gần nửa đêm khi dưới tàu thiên hạ ngủ hết, mọi nơi đều lẳng lặng, trừ ra tiếng máy ầm ầm, như trống canh nhịp, thì tôi nghe kêu rằng: “Thầy ôi! Xuống ngồi gần bên tôi, tôi sẽ nói truyện tôi cho thầy nghe.”

Khi tôi nghe kêu, tôi giựt mình và run sợ cả và mình, vì tôi nghe như thể tiếng ấy bởi nơi mờ mà lên kêu tôi vậy. Lại khi đó cửa sổ phòng tôi mở, nên gió khuya thổi vô, làm cho tôi lạnh lạnh, thì lại càng run sợ hơn nữa.

Vậy tôi mới lấy mền trùm lại không trả lời, rồi tôi nghe kêu một lần nữa.

Khi ấy tỉnh trí nhớ trực thầy tu nằm dưới tôi, tôi mới xuống nhắc ghé lại ngồi gần bên giường thầy ấy.

Tôi vừa ngồi gần một bên, thì thầy ấy nắm tay tôi, mà nói rằng:

“Thầy ôi! Tôi vô phước lắm, xin Chúa tha tội cho tôi ... Tôi là kẻ có tội.”

Nói bấy nhiêu lời thì chảy nước mắt ròng ròng. Dầu mà tôi muốn biết truyện thầy ấy hết sức mặc lòng; khi tôi thấy sự cực thầy ấy phải chịu mà thuật lại thì tôi nói rằng: “Thầy ôi! Nếu mà sự này làm cực cho thầy thì xin thầy đừng nói ra làm chi.”

Thầy ấy trả lời rằng: “Không! Không! tôi không còn sống bao lâu nữa mà giấu tội tôi. Mười năm nay tôi đã giấu với mọi người không ai hay dạng, tôi đã giả trá trước mặt người ta và trước mặt các cha nơi trường tôi tu, làm cho ai nấy tưởng tôi là người nhơn đức, song hẳn thật tôi là đứa tội lỗi là ngần nào. Vậy tôi xin thầy

hãy lắng tai mà nghe tôi, vì đương khi nói mà tôi mệt, thì có khi phải nín mà lâu đi chăng?”

Nói rồi thì thầy ấy nhắm mắt lại, choặng nhớ mọi sự trước sau cho đủ hầu sẽ thuật truyện lại cho cùng.

3

Cách một hồi thầy ấy mở mắt ra và nói rằng: “Xin thầy ghé tai lại mà nghe.

“Thầy ôi! Tôi là người Bà-ri-a, quê quán tôi ở tại Đất-đỏ. Ông già tôi là người có đạo dòng tử tế, vốn là người Quảng-bình, mà vô ở Đất-đỏ đã lâu; còn bà già tôi là người Gia-định. Tôi sanh ra là năm 1847 nhằm năm Tỵ-đức tức vị.

“Tôi là con thứ năm mà khi ấy tôi còn có một mình, vì mấy người trước đã chết khi còn nhỏ?

“Khi ấy đạo ta phải chịu nhiều điều khốn cực lắm, vì chỉ vua dạy bắt những kẻ có đạo cho nhặt, cho nên kẻ ngoại kiếm thế mà làm hại cho những kẻ ấy luôn.

“Vây khi tôi đã nên ba tuổi thì tôi đã biết chịu cực khổ rồi. Khi ấy bà già tôi được bốn mươi tuổi rồi mắc dịch tả năm 1850 mà chết để tôi lại với ông già tôi một mình, khi ấy ông già tôi hơn bốn mươi sáu tuổi, mà bà con không còn ai cả, cho nên khi cha tôi đi đâu thì tôi cũng đi theo luôn: như khi cha tôi đến nhà nào có cha làm lễ, thì tôi cũng đi theo. Khi kẻ ngoại hay được, có kẻ đạo hiệp nhau lại, thì báo với quan đến bắt. Nên ai nấy đều kiếm phương mà ẩn mình, cho khỏi chúng nó bắt: nên nhiều lần cha tôi phải đem tôi lên rừng mà trốn cho đến ba ngày mới về được, thì trong ba ngày ấy phải ăn những trái cây và rễ cây cho khỏi chết đói mà thôi.

“Từ khi tôi mới sanh ra cho đến hai mươi tuổi, thì tôi thấy những sự bất bớ kẻ có đạo luôn. Lại ông già tôi là trùm họ nên lại càng phải sợ hơn nữa. Ngày chúa nhật mà muốn xem lễ cho được, thì phải chịu nhiều điều rất cam khổ là quá chừng. Ông cha ở nơi Đất-đỏ thì phải trốn lánh luôn. Khi thì làm lễ nhà này khi làm lễ nhà kia; có khi kẻ ngoại hay đặng thì lại phải đi xa cách vài ba làng; cho nên bốn đạo phải chịu muôn vàn sự khốn khó mới tìm đặng cha sở mình.”

Tới đây thầy ấy nín một hồi mà nghĩ cùng nhớ các sự cho đặng tiếp theo truyện mới nói.

Tôi thấy thầy ấy gác tay trên trán cùng nhắm mắt lại dường như muốn đọc truyện mình ở trong trí khôn, như một người kia đọc trong một cuốn sách đang khi rồi sẽ thuật truyện lại, cho nên tôi làm thinh.

4

Vậy tôi mới nghĩ rằng: người này từ thuở nên ba mà đã biết sự cực khổ ra thế nào, đã biết chịu đói chịu khát, chịu mệt chịu nhọc, chịu trốn lánh vào nơi thú dữ, cạp hùm tây voi ở, đã từng trải sự hiểm nghèo, đã quên sự sung sướng, nên bây giờ lòng đã cứng hơn gan sắt chẳng còn chỗ nào mà sự cực nhọc thấu vào đặng, mà đã than rằng:

“Sự cực tôi chịu đã quá trí tôi rồi “; thì sự cực ấy là độc dữ là thế nào? Mà sự cực ấy bởi đâu mà ra? Thầy tu đã nói: “Tôi cũng có đôi bạn như thầy”; mà nay sao thầy ấy lại là thầy tu? Lại thầy ấy có đọc rằng: “Xin Chúa cho tôi gặp bạn tôi”; hay là thầy ấy phiền vì đã mất bạn mình là người mình rất yêu mến lắm, cho nên phải phiền vậy chẳng? Như vậy không có lẽ? nếu phải phiền vì sự ấy mà thôi thì không nói rằng: “Dầu tội nó thế nào thì tôi cũng quên rồi.

”Vậy tôi chắc một là thầy này điên, hai là thầy có làm sự gì quái gở quá trí hiểu không đặng.

Tôi còn đang suy như vậy thì tôi nghe thầy ấy ho hai tiếng nhẹ nhẹ rồi nói rằng:

“Thầy ôi! Thầy nghe tôi thì thầy biết tôi là thế nào? Sanh ra khỏi lòng mẹ thì đã chịu cực cho đến lớn. Tưởng khi có trí khôn thì được sung sướng một ít mà cũng không được; số phận tôi phải chịu khổ nạn cho đến trọn đời mà thôi.

“Song sự cực tôi đã chịu cho đến mười hai tuổi thì tính lại không bằng sự tôi sẽ chịu khi Tây qua. Thuở ấy là năm 1860 tôi được mười ba tuổi thì tôi nghe nói xôn xao rằng: “Tinh Gia-định đã bị Tây lấy rồi hơn hai ba tháng nay; chừng ít ngày nữa thì Tây cũng sẽ qua đánh lấy Biên-hoà cùng Bà-ri-a. Kẻ ngoại khi nghe điều ấy thì lo sợ, còn kẻ có đạo thì mừng rỡ, vì người ta đoán rằng: “Tây qua sẽ bình vực những người có đạo Datô mà giết những người chẳng giữ đạo ấy.”

“Song người có đạo thì mừng là vì trông cậy một ít lâu sẽ đặng thông thả mà giữ đạo mình mà thôi.

“Phải chi người có đạo biết sự dữ tợn quan Annam sẽ làm cho những kẻ ấy chịu, khi Tây sẽ đánh lấy Bà-ri-a thì những kẻ ấy chẳng trông đợi như vậy đâu!

“Hắn thật như vậy, vì năm sau thì nghe Tây đã đánh lấy Biên-hoà rồi, còn kẻ có đạo thì đã bị quan Annam đốt hết, khi ấy ai nấy đều kinh khủng, người thì sợ Tây qua giết, người thì sợ quan Annam đốt trước khi Tây qua. Mà cũng không khỏi vì cách ít tháng (khi ấy tôi đã nên mười lăm tuổi) thì có lệnh truyền dạy bắt những con nhà có đạo cầm tù lại hết; cùng khắc bốn chữ này,

“Biên-hoà Tả-đạo” trên hai mép tai, hầu sau có trốn mà bắt cho dễ.

“Tôi và ông già tôi cũng bị bắt cầm một nơi. [2]

“Thầy ôi! Tôi muốn nói sự cực khổ muôn phần. Mọi người đều bị đóng trảng hết, cho nên những kẻ đau đớn bịnh hoạn, hay là những kẻ có việc cần phải đi ra, mà bị lính không cho đi thì lại phải làm nhiều sự dơ dáy nơi mình nằm, thì ngục ấy hóa ra thú tha gớm ghiết lắm, nhiều người phải mang bịnh mà chết. Chúng ta chịu như vậy cho tới bốn tháng trường, đến năm 1862 thì nghe đồn nói binh Langsa đã kéo qua đánh lấy Bà-ri-a. Nhiều kẻ khi nghe tin ấy thì mừng, nhiều kẻ thì sợ, nhưng mà mừng sợ cũng không bao lâu, vì binh Tây chưa đến nơi thì ngục đã bị đốt ra tro mạt hết rồi. Đến khi lấy đặng Bà-ri-a thì ngục còn một đống xương mà thôi.”

Tới đây tôi chặn truyện thầy ấy mà hỏi rằng: “Mà thầy không nói làm sao mà thầy ra khỏi tù.”

Thầy ấy gác đầu cùng trả lời rằng: “ Ông già tôi trước khi đốt ngục thì đã xán bịnh rồi, nên khi đốt ông nghe tiếng thiên hạ la, thì ông ngồi dậy mà coi, song ông vừa ngó thấy ngục cháy thì giực mình té ngửa ra mà chết.” Thầy ôi! Khi tôi thấy cha tôi chết như vậy, thì tôi không còn muốn sống nữa, tôi mới chạy lại ôm xác ông già tôi quyết lòng đợi lửa tới mà chết thui với ông già tôi, song lửa mới vừa tới cháy hai chơn tôi thì sự đau đớn làm cho tôi quên hết mọi sự cùng bắt tôi chạy a ra cửa mà ra khỏi tù.

“Thầy ôi! Trong ngục hết thầy là ba trăm người mà khi ấy còn sót lại có mười người mà thôi.”

Đến đây thầy ấy vỗ trán cùng nói rằng: “Đây này! Tôi thấy rõ các sự ấy như thể mới có hôm qua vậy; nó còn rõ ràng trong trí tôi đây.” Nói những lời ấy rồi thầy ấy thở ra một tiếng cùng giấu mặt trong tay mình.

5

Khi đồng hồ tàu đổ hai giờ khuya thì thầy ấy nói tiếp theo rằng: “Khi tôi ra khỏi ngục thì chẳng biết đi đâu, ngó quanh ngó quất thì thấy những người lạ hay là những kẻ ngoại quen, mà những người ấy chẳng dám đăm tôi về nhà vì sợ quan nói giấu người có đạo mà bắt chằng.

“Vậy khi tôi thấy tôi còn một mình bơ vơ giữa đàng không cha không mẹ không bà con cô bác. Không ai đoái thương thì tôi quyết lên trên núi liêu mình cho thú dữ ăn đi cho rồi. Tôi phẫn phẫn đi đặng vài dặm đàng như vậy cho đến khi chơn tôi bị cháy nó phồng lên mà làm cho tôi đau đớn lắm; đi không nổi nữa, thì tôi mới ngồi lại bên đàng mà khóc, khi ấy mặt trời đã lặn rồi, lại tôi phẫn thì đau phẫn thì mệt và đói nên tôi té ngửa trong bụi kia cùng bất tỉnh nhưn sự. Tôi chẳng biết tôi nằm đó là bao lâu, vì khi tôi tỉnh trí lại mở con mắt ra thì tôi thấy tôi ở nơi nhà thương lính,

nằm một bên người lính bị thương tích kia, còn dưới chơn tôi thì có một ông thầy thuốc đang giặc thuốc nơi chơn tôi bị phỏng.

Tôi ở nhà thương hơn bốn mươi ngày; không cục cựa đặng vì hai chơn tôi bị bó lại, cho nên đi đâu không được, mà trong bốn mươi ngày ấy thì có một ông quan ba kia cách vài ba bữa thì lại đến thăm tôi một lần. Đến khi hai chơn tôi lành, thì ông quan ba đã đến thăm tôi khi tôi đau, cho người kêu tôi lên và biểu người thông ngôn hỏi tôi rằng: “Mầy còn cha mẹ bà con tại Bà-ri-a không?”

“Tôi thưa rằng: “Tôi không còn ai hết, cha tôi đã chết trong ngục rồi, còn mẹ tôi đã chết khi tôi còn nhỏ.”

Thì ông biểu thông ngôn nói cùng tôi rằng: “Tao đã gặp mầy nằm trong bụi gần chết, tao coi thấy mặt mầy sáng sủa thì tao thương, muốn đem mầy về nuôi cho mầy lành; nay tao tưởng mầy còn cha mẹ thì tao cho mầy về, mà mầy nói mầy không có ai thì tao đem về Gia-định với tao. Mầy chịu đi chăng?”

“Tôi mới thưa rằng: “Ông đã cứu tôi cho khỏi chết, bây giờ ông thương tôi muốn đem tôi về Gia-định mà tôi không đi thì tôi sẽ bạc ngãi và đại dột là dường nào.”

“Ba bữa sau tôi xuống tàu mà về Gia-định đặng sáu tháng, kể lấy ông quan ba mắc bệnh phải về Tây, thì để tôi lại cho Đức cha Lefèbre.

“Tôi ở giúp đức cha được một năm rưỡi cùng học chữ quốc ngữ cho đến năm 1864 thì đức cha cho tôi vô trường Latinh.

“Khi tôi mới vô nhà trường thì tôi kết nghĩa làm anh em vuồi một người tên là Verô Liễu, cũng vô trường một lượt cùng tôi. Người ấy là con ông trùm họ Cầu-kho mà bởi nhỏ hơn tôi hai tuổi, thì nhường cho tôi làm anh; hai anh em thương nhau như anh em ruột vậy; chẳng khi nào mà rời nhau, dầu trong nơi học, nơi ngủ, nơi ăn, thì cũng gần nhau luôn; khi đến ngày bãi trường tôi muốn ở lại trường; song thầy Liễu một hai không cho, một bắt phải đi về nhà cùng thầy mà thôi.

“Lại cha mẹ thầy Liễu, thấy tôi kết nghĩa với con mình thì lại đem lòng thương tôi như thương con ruột mình, cho nên trong hai năm tôi học nhà trường Latinh, thì tôi chẳng thiếu sự gì, lại đặng vui lòng lắm vì chừng bây giờ tôi thương cha mẹ thầy Liễu và coi hai ông bà ấy như cha mẹ ruột tôi vậy.

“Học đặng hai năm đến 1866, khi có thầy dòng qua lập trường d’Adran, thì hai anh em xin qua đó mà học. Học đó thì hai anh em cũng còn thiết nghĩa với nhau như cũ, lại tôi cũng năng về nhà cha mẹ thầy ấy như thường.

Đến năm 1870 là năm có giặc người Allemanha và người Phalangsa đánh cùng nhau thì hai anh em tôi ra đi thi tại Saigon. May đâu hai anh em thi đậu một lượt và lại được sai đi làm việc một nơi tại dinh quan Thượng-thơ cho nên tôi lại còn nương ngụ nơi nhà cha mẹ thầy Liễu nữa.

“Tôi ra làm thông ngôn đặng sáu tháng, khi cha mẹ thầy Liễu thấy tôi ở nơi nhà ấy mà có lòng ngại chưa đặng thông thả, thì lại muốn giúp mà lo đôi bạn cho tôi, để tôi lập cơ nghiệp đặng ra ở riêng cho thông thả.

“Ôi! Thầy ôi! Phải mà tôi biết người thiết nghĩa ấy sẽ phá sự phước tôi, thì tôi sẽ xa lánh người ấy là thể nào? Ấy thầy xem đó mà coi, thì thầy biết lòng người ta giả trá là thể nào? Nó đang còn thiết nghĩa với mình hết sức, mà nó kiếm sự làm cho mình phải khổ không hay.

“ Phải chi tôi chết cùng cha tôi trong ngục thì tôi sẽ khỏi chịu cực cho đến bây giờ! Ôi! Trong ba mươi lăm năm, tôi đặng hưởng phước không đầy năm năm, còn mấy năm kia thì những chịu cực chịu khổ mà thôi.”

6

“Thuở tôi còn ở nhà trường d’Adran thì cha mẹ thầy Liễu thường đến mà thăm viếng hai anh em tôi, nhiều khi đi thăm thì bà già thầy Liễu hay đem một người con gái chừng mười bảy tuổi đi lên theo. Người ấy không lịch sự thiệt, song coi phải thể người mà thôi: tiếng nói dịu dàng, mặt mũi cách điệu, tính nết ăn ở thì dễ làm cho người ta thương lắm. Người ấy là con bà dì thầy Liễu.

“Ban đầu khi người đi đến thì tôi cũng tưởng là như bà con; mà cách ít tháng thì tôi lại đem lòng thương, cùng hằng tưởng đến người ấy luôn. Tôi đã thương người ấy như vậy là một năm chẳng, cho đến khi thi đậu mà ra khỏi trường.

“Song dầu mà tôi thương người ấy mặc lòng, tôi cũng chẳng tỏ sự ấy ra cho thầy Liễu là anh em thiết nghĩa với tôi hay.

“Vậy ngày kia nhằm ngày chúa nhật khi xem lễ về, ông già thầy Liễu rủ tôi ra vườn đi dạo chơi. Khi đến một đồng đá thì ông nói cùng tôi rằng: “Ta ngồi đây nghỉ một chặp và nói chuyện hủ Mi Lazare!”

“Khi nghe ông mời tôi ngồi, thì trong lòng tôi bất hồ nghi có sự gì cả thể, cho nên mới kêu tôi ra ngoài vườn một mình, vậy tôi mới ngồi mà làm tỉnh.

Ông già thầy Liễu cũng làm tỉnh một chặp rồi nắm tay tôi mà nói rằng: “Thầy! Thầy biết xưa nay tôi thương thầy như con ruột tôi vậy, cho nên khi nào bãi trường có con tôi về mà không có thầy thì tôi cũng trông nhớ thầy lắm.”

“Còn thầy thì tôi cũng biết thầy thương hai vợ chồng già tôi như cha mẹ thầy, cho nên hai vợ chồng tôi cũng mừng, và lại tôi thấy thằng Liễu nó yêu mến thầy thì tôi càng mừng hơn nữa, vì nó đặng bắt chước cách ăn ở thầy mà sửa mình lại và nó khỏi theo những đũa hoang đàng mà hư đi.”

“Tôi nghe nói như vậy thì tôi làm thính cúi đầu xuống mà nghe cho cùng, thì ông già thầy Liễu nói rằng:

“Thầy nay đã lớn tuổi rồi, cho nên bữa nay tôi muốn nói mà hỏi thầy có ưng nơi nào thì nói ra, cho tôi liệu cho thầy.”

“Xin thầy đừng ngại mà từ chối làm chi. Nếu thầy từ chối thì sẽ làm cho vợ chồng tôi buồn bực lắm, tôi không có giàu có muôn hộ chi, song tôi cũng có đủ mà lo cho thầy cách tử tế vì thầy là như con tôi. Còn khi thầy có đôi bạn rồi, mà muốn ra tư riêng thì tôi cũng sẽ lo cho thầy đặng đủ mọi sự, mà lập cơ nghiệp riêng.”

“Vậy tôi xin thầy tỏ thật lòng thầy đã ưng nơi nào cho tôi biết?”

“Tôi trả lời rằng: “Bỏ và vú thấy tôi mồ cô, mà đem tôi về nuôi như con ruột, mà tôi chưa đền ơn ấy được nay bỏ vú lại muốn lo đôi bạn cho tôi nữa, thì tôi khi nào trả nghĩa cho vú bỏ cho xong ơn ấy kể sao cho xiết?”

“Lại tôi xưa rày chưa tưởng đến sự vợ chồng, cho nên chưa chọn nơi nào cho xong. Ông già mới nói rằng: “Ơn ngài chi đâu mà đền, Mi Lazare! Thầy là con, ta là cha, thầy nói ngay ra thì ta sẽ lo cho. Vậy nếu Mi Lazare không biết nơi nào, thôi để ta chỉ cho.”

“Vậy thầy có biết ở trong làng ta có người con gái nào chừng mười tám tuổi, thường đến thăm ta đây không?”

“Khi tôi nghe hỏi như vậy thì tôi dẫu mặt lại cho nên ông trùm mới cười mà nói rằng: “Bộ đây! Mi Lazare cũng biết nàng ấy thì phải! Cho nên mới dẫu mặt lại như vậy.”

“Khi tôi thấy ông già thầy Liễu hiểu biết ý tôi đã có lòng thương người ấy, thì tôi quyết lòng nói thật ra rằng:

“Thưa với bỏ, xưa nay tôi không tỏ lòng tôi ra cùng ai, mà nay bỏ đã dò lòng tôi mà biết rõ sự ấy, thì tôi xin thú thật. Tôi đã có lòng thương cô ấy hơn một năm rưỡi nay, mà bởi tôi tưởng tôi là đứa mồ cô không xứng đáng nơi ấy, nên tôi để trong lòng không dám tỏ ra cùng ai.” Ông già nghe đặng mới cười lớn lên mà rằng:

“Hã! Hã! không hề gì đâu Mi Lazare! Không hề gì! Các con trẻ tưởng ông già không biết chi!

Hã! Hã! Già biết rõ hết. Để già hỏi đây, thì con cháu sẽ ừ liền không khỏi đâu.”

“Mà thật thàng sau người con gái bà dì thầy Liễu và tôi đến bàn thờ mà chịu phép hôn phối.

“Thầy ôi! Nói sự phước hai đứa tôi thì không cùng, tôi tưởng có ít người mà thương vợ như tôi. Dầu mà vợ chồng đã về cùng nhau rồi, song lòng tôi còn thương tưởng như trước.

“Lại bạn tôi gặp tôi thì cũng lấy làm có phước lắm, vì cũng có lòng thương tôi như tôi đã thương vậy, cho nên không khi nào, dẫu có phiền lòng thế nào, thì cũng không nói lời gì ra, làm cho tôi nhớ phận tôi là con mồ cô cô độc. Khi ấy sự phước tôi là vô cùng.

“Tôi với bạn tôi về ở nhà thầy Liễu đặng sáu tháng, kể lấy có tờ quan sai tôi đi làm thông ngôn tại Bà-ri-a.”

Tới đây thầy tu nghe đồng hồ đánh ba giờ khuya thì thầy ấy la hoảng lên rằng: “Đó! Đó! thầy! nó nằm đó...! gần chết...! nó nắm tay tôi đây...!”

Rồi nói nhỏ rằng: “Ôi! Tôi là kẻ có tội; tôi là kẻ có tội!” Nói dứt lời, thì nhắm mắt lại mà nghĩ.

Nghĩ một hồi, thức dậy nói rằng: “Bây giờ mới đến sự cực tôi đây thầy! Tôi về Bà-ri-a đặng hai tháng rồi, mà bởi tôi có làm quen với các quan trong đồn cho nên thường đi ăn cơm với các quan ấy. Vậy trong các quan thì có ông quan ba kia có một con vợ annam.

“Mà con ấy khi thấy tôi thì làm nhiều cách thể, muốn như xui giục tôi phạm tội cùng nó, cho nên tôi trốn lánh cho khỏi dịp làm thiệt hại cho vợ mình, vậy lần lần tôi bớt vô đồn ăn cơm với các quan nữa cho nên tôi đã khuất mặt người đồn bà ấy đi.

“Qua năm 1872, thầy Liễu thôi làm việc đã bốn tháng nay, xuống tại Bà-ri-a mà mua ngựa đăm về Saigon.

“Thầy ấy tới nơi thì anh em rước nhau mừng rỡ bội phần, vì cách mặt đã hơn tám tháng trường, cho nên gặp đặng thì truyện vãn cùng nhau luôn.”

Tới đây thầy tu nắm tay tôi mà nói rằng: “Thầy hãy ghé tai lại đây mà nghe cho rõ. Đây là đến hai tội tôi, tới đây là tới đầu sự khổ cực tôi. – Tôi mệt lắm, xin cho tôi nghỉ một chút cùng nhớ các sự cho rõ hơn.”

7

Thầy ấy mở con mắt ra mà nói rằng: “Xin thầy chịu khó mở rương tôi ra mà lấy cái thơ tôi để trong ấy mà đọc, rồi tôi sẽ nói tiếp theo cho thầy nghe.”

Tôi lại mở rương ra thì thấy có một cái thơ; tôi đem cái thơ ấy kê bên đèn mà đọc rằng:

Bà-ri-a, ngày 14 tháng tám năm Tân mùi.

“Kính thăm thầy đặng rõ: người viết thơ này là một người xưa nay những tưởng tới thầy luôn. Dầu mà tôi biết nói thiệt sự này ra thì đau đớn lòng thầy lắm. Song là sự chán chường trước con mắt mà nhìn đi thì sao đặng?”

“Xưa nay ai nấy đều khen bạn thầy là người hơn đức, hiền lành trung hiếu cùng chồng lắm, chẳng ai ngờ sự rất quái gở! Tôi không biết làm sao mà người bộ bề ngoài hơn đức như vậy, mà có lòng ngoại tình được. Lại sự rất gớm ghiết hơn, là người ấy đã chọn bà con mình và bạn hữu thiết nghĩa của chồng mình mà phạm tội ấy.

“Tôi biết rằng, khi thầy được thơ này thì thầy sẽ nói tôi là một đứa nói gian; song tôi có đủ tang án mà làm cho thầy tin tôi.

“Vậy xin thầy kiểm trong tủ để áo của bạn thầy, thì thầy sẽ thấy hai cái thơ của thầy Liễu gửi cho bạn thầy thì thầy sẽ biết tôi có nói sai chăng?”

“Bấy nhiêu xin thầy nhậm lời cùng miễn chấp.”

Khi tôi đọc thơ rồi thì thầy tu ấy nói rằng: “Thầy ôi! Ngày kia đang khi vợ chồng bạn hữu bà con vui vẻ sum vầy cùng nhau thì sự dữ ấy đến nhà tôi, vì ngày ấy tôi đặn cái thơ này đây.

“Ôi! Thầy ôi! Nói sự đau đớn lòng tôi đã chịu khi được thơ ấy thì không nổi. Tôi xin thầy đừng khi nào biết sự đau đớn ấy thì hơn.

“Nhưng vậy dầu cực thể nào tôi cũng làm như không có sự gì vậy. Song thật trong lòng tôi quyết kiếm thể nào mà báo cừu hai người đã phá sự phước tôi như vậy.

“Ôi! Thầy ôi! Người ta nói rằng: “Chẳng có sự dữ nào mà nó đến một mình đâu, một sự dữ thì nó kéo một bầy sự dữ khác theo.

8

“Tôi đặn thơ đã hơn một tuần lễ, kể thầy Liễu mua đặn ngựa thì chở về Saigon. Thầy Liễu lui ghe đặn một ngày thì có tin báo rằng: “Ăn cướp đã chặn đường Saigon mà đánh ghe buôn nhiều lắm.”

“Khi quan tham biện nghe báo như vậy thì kêu tôi mà hỏi rằng: “Thầy dám lãnh mười tên lính đi bắt ăn cướp chăng?”

“Tôi suy một hồi rồi thưa lại rằng: “Xin quan lớn cho tôi quân lính và thuốc đạn cụ túc, cho được chống trả phi đảng thì tôi dám đi.”

“Vậy quan tham biện liền cho tôi đủ quyền phép khí giới quân lính cùng dạy tôi phải lo xuất hành cho kịp.”

“Khi tôi đặn phép thì trong lòng tôi bồi hồi run sợ, nửa vui nửa buồn, vì tôi có ý xin đặn đủ quyền phép mà làm một sự quái gở kia, cho bằng lòng tôi mới thôi.

“Sửa soạn rồi, tới ngày ấy tôi đem mười ba tên lính xuống ghe mà đi. Tôi đi đặn vài con nước thì bỏ Tác-mọi đã xa.

“Vậy ngày sau chừng sáu giờ chiều, tôi thấy phía bên kia sông, đậu gần bên bờ, một chiếc ghe giống như ghe thầy Liễu vậy. Khi coi đi coi lại, rõ là ghe thầy ấy, thì tôi dạy đậu ghe lại ăn cơm, soạn sửa khí giới, vì tối nay nước lớn thì sẽ có ăn cướp mà bắn.

“Phải mà thầy thấy mặt tôi khi ấy thì thầy sẽ kinh khủng chẳng sai.” Là vì tôi khi đó như bị quỷ ám vậy. Một ít nữa thì tôi sẽ giết một người kia vô tội, mà bây giờ tôi còn gượng mà cười đặn, thì mặt mũi tôi hóa ra gớm ghiết lắm.

“Vậy khi ăn cơm nước nghỉ ngơi rồi, thì vừa tới nửa canh ba, nước mới lớn, tôi liền dạy dưới ghe tắt đèn hết, cho ăn cướp không thấy mà đi qua.

“Súng ống vừa sẵn sàng, thì vừa ghe thầy Liễu đi giữa dòng sông, ngang ghe tôi; tôi liền dạy tên cai đứng nơi lái mà kêu ghé.

“Song người cai mới kêu rằng: “Ghe đi kia ghé!” thì tôi nghe một viên đạn đi vo vo bên tai tôi, cùng một tiếng súng nổ nơi ghe thầy Liễu.

“Tôi thấy viên đạn gần trúng tôi thì tôi giận quá sức cho nên sự tôi hèm thù thầy Liễu lại càng thêm nữa. Tôi liền la rằng: “Cha! Chả! Nó cự bậy! Bắn!

“Tức thì mười mũi súng giay qua ghe thầy Liễu mà phát một lượt; vừa khi ấy tôi nghe một tiếng rằng: “Cha ôi! Chết tôi!” Tôi nghe tiếng ấy thì tôi biết là tiếng thầy Liễu thì sự giận và sự hèm thù tôi như thể biến đi đâu mất vậy, cho nên tôi sợ hãi và trách mình tôi lắm. Vậy tôi dạy chèo ghe lại có ý coi có phương thế nào mà cứu thầy ấy chẳng.

“Song vừa lại đến nơi thì thầy Liễu đã tắt hơi rồi. Nên tôi buồn bực trách móc tôi, cùng khóc lóc lắm, mà tôi khóc tội tôi mà thôi, chớ còn thầy Liễu thì tôi không thương tiếc chút nào.

“Hỏi có sự rồi tôi dạy lính đem ghe vô bờ mà nghỉ choặng đến sáng về mà báo quan.

“Về đến nơi thì tôi đến trình quan tham biện rằng: “Ngày kia hỏi canh ba có một chiếc ghe đi ngang qua chỗ tôi đậu mà đón bắt kẻ cướp. Thấy ghe ấy đi ngang qua thì tôi kêu ghé, song ghe ấy không ghé mà lại bắn lại một phát súng, tôi thấy vậy tưởng ghe muốn cự thì dạy lính bắn lại. Bắn rồi chèo ghe ra mà coi, thì tôi thấy là ghe thầy Liễu đi mua ngựa về có giấy thông hành tử tế, tôi hỏi bạn thì bạn thưa rằng: “Khi thầy tôi nghe kêu thì tưởng là ăn cướp, nên trèo lên mũi mà bắn chúng nó; chẳng ngờ đằng kia tưởng ăn cướp bắn cự thì bắn lại; mà tại thầy tôi ở trên mũi cho nên bị đạn mà chết đi.”

“Tôi trình rồi, quan tham biện nói rằng: “Thầy có phép quan sai đi bắt ăn cướp, mà bởi thầy kia đã không hỏi hang cho rõ trước khi bắn lại cho nên chết thì phải chịu; thầy không tội gì!”

“Nói rồi quan tham biện quở trách tôi sao không hỏi cho kĩ càn cùng dạy tôi về mà chôn cất thầy ấy cho tử tế.

“Vậy thầy ôi! Từ ngày ấy cho đến bây giờ thì trí tôi không khi nào an định, tôi những thấy súng ống khí giới luôn, nhứt là khi ngủ thì tôi thấy tôi bị ăn cướp bắt mà bắn tôi hoài.

“Song dầu mà lương tâm tôi cắn rứt tôi thể nào thì tôi cũng không quên sự lỗi của thầy Liễu và của bạn tôi đã phạm với tôi.

“Nhiều lần tôi ở trường án mà về thì tôi muốn lại hỏi mọi sự ra cho vợ hay mà tha lỗi cho vợ. Song khi lại gần thì tôi không muốn nói ra lại tưởng rằng: hỏi nó thì nó đương chịu cho đó. Ai dại mà chịu

làm cha ăn cướp, bởi vậy cho nên tôi không khi nào nguị sự lỗi bạn tôi đã phạm cùng tôi đặng.

9

“Khi tôi còn nhỏ, thì thường có Mọi hay đến mà bán hàng nơi nhà tôi. Trong mấy người mọi đó thì có một đứa hay ra ngoài vườn mà hái một thứ bông tím tím kia, ở dưới cỏ mà mọc lên; tôi thấy người ấy hái thì tôi cũng bắt chước hái chơi. Người Mọi thấy tôi hái bông đó thì la tôi biểu đừng có hái, vì nó là giống độc lắm: sắc chừng một nắm mà uống thì phải mắc bệnh lần lần cho đến bảy tám tháng một năm thì phải chết: uống vô rồi không thuốc nào mà chữa đặng.

“Khi ấy thầy Liễu đã chết đặng mười lăm bữa rồi. Ngày kia tôi nhớ đến sự cực tôi, thì trí khôn tôi nó bắt xao xiển bối rối làm cho tôi như điên vậy, thì tôi đi ra vườn cho có gió mát giải phiền một ít.

“Tôi đi chưa đặng giáp vòng vườn thì tôi ngó thấy một đám cỏ bông tím dưới chơn tôi, tôi cúi xuống mà hái nó mà coi, thì tôi thấy nó là cái bông thuốc độc người Mọi đã nói với tôi khi trước.

“Vậy tôi nhắm cái bông một hồi, rồi cúi xuống hái một nắm bỏ vô khăn cầm vào nhà. Thật sự tôi sẽ làm thì hiểm độc lắm, mà khi tôi vô nhà thì trí tôi cũng an tỉnh như tôi mới làm một sự phước vậy.

“Tôi vô nhà thấy bạn tôi đang bắc một cái siêu trên bếp thì tôi hỏi rằng: “Minh sắc gì đó vậy?” Bạn tôi trả lời: “Ba bốn bữa rày nó bắt tôi ho dữ quá, cho nên khan tiếng; tôi sắc thử lá nguyệt bạch với chanh uống coi có hết chẳng.”

“Tôi làm thình không nói gì, cứ cúi xuống mà ngó cái siêu luôn, tôi ngó cái siêu thì thấy cái nắp nó nhảy lên nhảy xuống dờng như muốn mời tôi bỏ nắm bông trong khăn vô đó vậy. Vừa khi ấy bạn tôi lên nhà trên ăn trầu, thì tôi lại dở nắp siêu lên bỏ nắm bông ấy vô.

“Khi bạn tôi uống rồi, đến ngày mai thì không chỗi dậy khỏi giường cũng không ăn uống gì đặng.

“Thầy ôi! Khi tôi biết tội tôi trọng là thể nào, cùng khi thấy bạn tôi nằm trên giường mà than thở thì tôi buồn bực ăn năn trách mình muốn cứu vợ tôi cho khỏi chết. Tôi rước không biết là mấy thầy; mà mỗi khi thầy nào đến tôi cũng lắc đầu hết, vì khi ấy tiếng người Mọi đã nói với tôi hơn hai mươi năm nay thì tôi nhớ lại hết: “Uống vô rồi không thuốc nào cứu đặng”

“Bây giờ mỗi ngày thì bạn tôi lại thêm ốm o gầy mòn hoài. Khi tôi thấy bệnh bạn tôi càng ngày càng nặng hơn chừng nào thì tôi lại càng trách mình chừng nầy.

“Bạn tôi đau đã hơn mười một tháng song tôi không nghe khi nào bạn tôi mở miệng ra mà nói cùng than thở đều gì; khi thấy tôi buồn thì kiếm lời dịu dàng mà an ủi tôi thì có.

“Ôi! Trong mười một tháng ấy tôi trách mình tôi không biết là bao nhiêu; tôi buồn bực cho đến đôi có nhiều lần bạn tôi thấy tôi chảy nước mắt ra thì tưởng tôi khóc vì nó, thì nói cùng tôi rằng:

“Xin thầy đừng rầu rĩ làm chi, tôi không chết đâu; tôi đã chịu thuốc rồi, ít ngày đây thì tôi sẽ lành.”

“Những lời như vậy thì nó làm cho tôi đau đớn như lưỡng gươm đâm thấu vào lòng tôi vậy.

“Tôi chịu cực khổ ấy cho đến gần nửa năm 1873. Ngày kia tôi thấy bạn tôi mệt lắm thì tôi biết đã gần giờ nó phải lìa khỏi thế rồi, nên tôi ở gần một bên bạn tôi luôn. Đến nửa đêm khi tôi thấy bạn tôi còn thở hơi ra mà thôi thì tôi không còn trông cậy gì về sự sống nó nữa, thì tôi cho mời các chức đến mà đọc kinh giúp kẻ mong sanh thì.

“Khi các chức đến đọc kinh cùng kêu chúa đặng một hồi lâu, thì đồng hồ đánh ba giờ sáng. Khi ấy bạn tôi bắt tay tôi mà kéo tôi lại một bên miệng mà nói rằng: “Tôi biết vì làm sao mà tôi phải chết, song tôi cũng xin Chúa thứ tha cho thầy.” Nói rồi làm thỉnh cho đến bốn giờ thì linh hồn ra khỏi xác.

“Ôi! Thầy ôi! Khi tôi thấy tôi còn ở đời một mình thì sự buồn bực nó đã quá trí tôi đi. Lại khi tôi tưởng đến hai người, tôi đã thương mến quá chừng mà đã phải bị tay tôi mà chết thì tôi buồn bực sợ hãi đêm ngày.

“Cho nên khi chôn cất bạn tôi rồi tôi xin thôi làm việc mà lên Saigon đặng xin Đức cha chuẩn cho tôi vô ở nhà dòng Tân-định mà tu trì đức hạnh ít lâu.

“Tôi vô nhà dòng rồi, thì tôi ở một cách sốt sắng lắm: đêm ngày tôi những đọc kinh cầu nguyện, ăn chay hãm mình cùng học hành siêng năng tử tế lắm cho nên các thầy bề trên tôi đều bằng lòng mà khen ngợi tôi hết. Tôi có ý ra sức mà làm các sự ấy, cho đặng quên hai tội tôi không xưng ra. Bởi vậy, bề ngoài người ta gọi tôi là người nhơn đức, mà hẩn thật tôi là đứa tội lỗi giả hình mà thôi, cho nên dầu tôi làm thế nào, thì lương tâm tôi cũng cắn rứt luôn chẳng khi nào cho trí khôn tôi bình an đặng.

“Thầy ôi! Tôi chịu cực mà học như vậy đã đặng sáu năm, chịu đặng chức thầy, cho đến năm kia là 1882, thì tôi mắc bệnh này; vì mình tôi đã mệt lại thêm trí tôi không an nữa thì nó sanh ra nhiều chứng bệnh lắm.

“Đã hai năm nay tôi ở nhà thương mà uống thuốc, song bệnh tôi càng ngày càng tấn tới thì thầy thuốc dạy tôi xuống Vũng-tàu, “ở đó thanh khí có lẽ ông bớt chẳng.”

“Nói tới đây thì trời vừa sáng, tàu đến Vũng-tàu.

Vậy tôi mới nói với thầy ấy rằng: “Tội thầy đã nói với tôi đó là điều độc dữ lắm, song Chúa nhơn từ vô cùng, còn dung thầy sống đến nay thì thầy phải xưng tội thì Chúa sẽ tha cho thầy chẳng sai đâu.”

Thầy ấy trả lời rằng: “Thầy đừng sợ làm chi, mai đây cha sở Bà-ri-a xuống Vũng-tàu thì tôi sẽ xưng tội tôi ra hết, vì tôi chịu cực cũng đã quá trí rồi.”

Tôi lại hỏi rằng: “Thầy xuống Vũng-tàu mà ở nhà ai?”

Thầy ấy trả lời rằng: “Tôi xuống ở nơi nhà cha Bà-ri-a đã cất để mà nghỉ tạm khi cha xuống Vũng-tàu.”

Nói truyện vừa rồi tàu gieo neo; khi thầy ấy bắt tay tôi từ giả mà lên đất, thì thầy ngó tôi mà rằng: “Thầy! Coi tôi cho rõ có lẽ ta gặp nhau lần này là lần sau hết. Xin thầy đi bằng an, đến sau khi thầy có xuống Bà-ri-a, thì tôi xin thầy hãy đọc một kinh nơi mồ LAZARO PHIÊN.” Nói rồi thầy Phiên xuống đò mà lên đất.

10

Thầy ấy lên đất đặng nửa giờ thì tàu đi vô Bà-ri-a. Tôi ở Bà-ri-a, đặng một tuần lễ, rồi tôi trở lại Saigon không nghe tin thầy Lazaro Phiên nữa cho đến ngày 27 janvier 1884 thì người đem thơ đăm đến nhà tôi một cái thơ. Tôi coi ở ngoài bao thơ thì thấy có đóng con dấu Bà-ri-a, tôi dỡ thơ ấy ra thì thấy đề rằng:

Bà-ri-a, ngày 25 janvier 1884

“Kính thăm thầy đặng mạnh giỏi trong chúa “Khirixitô, cùng xin Chúa phù hộ cho hai vợ chồng thầy.

“Thầy ôi! Tôi xưa nay đã giấu tội tôi khi còn sống “làm cho thiên hạ tưởng tôi là người trọn lành cho nên “trước khi tôi bỏ thế mà xuống nằm nơi tro bụi tôi muốn “cho người ta biết tôi là ai, biết tội tôi là thể nào. Vậy nay “tôi mới viết thơ này mà xin thầy giúp tôi làm việc ấy cho “nên. Bây giờ có một mình thầy cùng cha sở Bà-ri-a biết “các việc tôi mà thôi, mà cha sở người chẳng có phép mà “tỏ tội tôi đã xưng ra với người. Bởi vậy tôi mới dám xin “thầy, khi tôi chết rồi, thì thuật truyện tôi lại cho mọi “người biết, lại tôi xin thuật truyện sau này đặng cho thầy “tiếp theo sự tôi đã nói cùng thầy dưới tàu Jean-Dupuis “ngày 12 janvier 1884, có lẽ khi thầy đặng thơ này thì “Lazaro Phiên chẳng còn ở đời nữa.

“Tôi về Bà-ri-a đã đặng ba bữa rày cho đặng gần cha “linh hồn, vì thầy thuốc đã đoán rằng: tôi không còn sống “đặng hơn ba ngày nữa. Vậy ngày hôm qua tôi xin cha “cho phép người ta vồng tôi đi xuống Đất-đỏ mà viếng “quê hương tôi một lần sau hết, ôi! Khi tôi thấy nơi tôi ở “thuở còn thơ ấu thì hai hàng nước mắt tôi tuôn xuống “ròng ròng.

“Khi ấy trí khôn tôi nhớ trực lại hết những sự trốn “lánh cực khổ ông già tôi và tôi đã chịu khi còn bé thì tôi “bước xuống vồng lại ngồi trên miệng giếng ở trước nhà “tôi thuở trước cùng ôm mặt tôi mà khóc ròng; một hồi “lâu tôi chỗi dậy lên vồng biểu người ta đem tôi về Bà-ri-a.

“Tôi về vừa đến nhà thì cha sở đưa cho tôi một cái “thơ cùng dạy tôi đọc cái thơ ấy cho đến cùng.

“Tôi dở thơ ra thì thấy chữ viết trong thơ là chữ đờn “bà không có ký tên. Vậy trong thơ ấy viết thế này; tôi xin “chép lại đây cho thầy coi:

“Thơ này là thơ một người đã làm cho thầy phạm hai “tội rất trọng cùng bởi hai tội ấy mà làm cho thầy chịu “cực khổ mười năm nay, tôi cúi lạy thầy! Nay mai thì “thầy sẽ về cùng Chúa cho nên tôi giám đến mà tỏ ra “cùng thầy sự thiệt hại tôi đã làm cho thầy phải chịu, mà “xin thầy hãy theo gương Chúa mà lấy lòng thương xót “tha sự tội ấy cho một người đã có lòng thật thà mà ăn “nặng cùng đền tội mình.

“Lạy thầy tôi là một người đờn bà tội lỗi đại dột “cùng bạc ác lắm; thuở tôi còn xuân xanh thì đã theo đảng “tội lỗi mê sa sắc dục thế gian sát thịt, cho đến hai mươi “mốt tuổi. Khi ấy tôi ở với ông quan ba kia ở tại đờn Bà-“rịa đã đặng ba tháng; rồi qua năm 1871 khi tôi thấy thầy “xuống làm thông ngôn tại Bà-rija thì tôi lại đam lòng mà “thương thầy một cách rất lạ lùng lắm. Ban đầu tôi mượn “người làm cách nọ thế kia mà đam thầy vô đảng tội lỗi “cùng tôi mà tôi thấy thầy khinh dễ chê ghét tôi, thì tôi “lại kiếm thế mà oán thù. Tôi đã kiếm cách thế mà hại “thầy đã hơn hai tháng, vừa may kế lấy thầy Liễu xuống “đây mà mua ngựa; hơn dịp ấy tôi mới viết hai cái thơ “giả chữ thầy Liễu, mà sai người đem giấu hai thơ ấy nơi “áo bạn thầy, rồi tôi gửi một cái thơ khác cho thầy mà cáo “gian hai người hơn đức ấy.

“Bây giờ thầy biết rõ ràng rằng: “Bạn thầy cùng thầy “Liễu là người vô tội mà đã bị chết oan vì tôi. Cho nên “tôi lạy xin thầy tha tội cho tôi, thì Chúa cũng sẽ tha tội “cho thầy.

“Tôi chẳng giám viết tên tôi vào thơ này; tôi xin thầy “hỏi cha sở Bà-rija thì thầy sẽ biết tên người đờn bà tội lỗi “ấy là ai.”

Qua năm sau, là 1885 nhằm ngày bãi trường, tôi xuống Bà-rija một lần nữa mà thăm bà con cùng cha sở Bà-rija.

Ngày kia tôi đi cùng cha sở ra đất thánh mà viếng nhà thờ Tử-đạo, vì nơi ấy có ông bà tôi nằm đó. Khi tôi ra khỏi nhà thờ thì tôi thấy có một cái mồ gần một bên có cây thánh giá, có đề chữ mà mưa đã làm lu hết còn sót bốn chữ: 27 janvier 1884 mà thôi; tôi hỏi cha rằng: “Mồ ấy là mồ ai?” Cha sở trả lời rằng: “ Mồ ấy là mồ thầy kia đã phạm tội trọng lắm, mà khi gần qua đời đã ăn năn tội một cách rất trọn lành cho nên bây giờ ở tại nước thiên đàng chẳng sai?” Tôi hỏi cha rằng: “Có phải là mồ thầy Phiền chẳng?” Cha sở vừa ừ; thì tôi quì gối nơi mồ mà đọc rằng:

“Chúng tôi cậy vì danh Chúa hơn từ cho linh hồn Lazaro Phiền đặng lên chốn nghỉ ngơi.

Hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng láng vui vẻ vô cùng.”

[1] Nhà thờ những kẻ Tử-đạo tại Bà-ri-a là nhà thờ nhỏ cất nơi mồ chôn xương những kẻ chịu đốt tại Bà-ri-a. Trong nhà thờ ấy, ở giữa có một cái mồ nơi đầu mồ có một cái bàn thờ, nơi mồ ấy thì có sáu câu như vầy:

Ba trăm bốn đạo xác nằm đây
Những trông sống lại hưởng phúc đầy
Vì chúa tù lao dư ba tháng,
Cam lòng chịu đốt chết chỗ này,
Lập mồ táng chung vào một huyết,
Giáo nhơn coi đó nhớ hằng ngày.

[2] Truyện thầy tu thuật lại sau này về sự giam cầm trong ngục thử bắt đạo khi Tây qua, thì tôi đã nghe bà già tôi nói lại nhiều lần; vì bà già tôi khi ấy cũng bị bắt bị đốt tại Bà-ri-a song đã trốn ra khỏi. – Đã hai mươi năm nay mà bốn chữ “Biên-hoà Tả-đạo” cũng còn rõ ràng nơi mép tai như mới khắc vậy.

Nguyễn Trọng Quản

8/2005 - Nguồn: <http://vnthuquan.net/>